

Bản án số: 37/2024/DS-PT

Ngày 31 - 7 - 2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu tháo dỡ phần kiến trúc xây
dựng trên đất bị lấn chiếm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương và ông Nguyễn Văn Nghĩa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Lệ Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLPT- DS ngày 08 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ phần kiến trúc xây dựng trên đất bị lấn chiếm”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2024/QĐ-PT ngày 08/04/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1935 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ 1, Tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị B: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 1, Tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. **Bị đơn:** Bà Đinh Thị N (tên gọi khác: Đinh Thị Ng), sinh năm 1950; nơi cư trú: Tổ 1, Tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị N: Chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 1, Tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đinh Thị N: Bà Trần Thị A - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Bình.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình bị bà Đinh Thị N kháng cáo.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2016, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị B trình bày:

Năm 2005 gia đình ông T, bà B được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 77, diện tích 939,6 m², trong đó có lối đi vào nhà của ông bà hiện tại. Quá trình bà Đinh Thị N xây dựng hàng rào dọc theo lối đi vào nhà ông bà và sau này có nhiều lần sửa chữa, gia đình ông bà đã không nhất trí và có ý kiến phản đối, nhưng bà N vẫn cố tình xây hàng rào lấn chiếm lên đất lối đi của gia đình ông bà. Những lần bà N xây dựng và sửa chữa hàng rào, gia đình ông bà đã có đơn trình bày với Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) phường N và UBND phường đã có ý kiến nhưng bà N không dừng lại mà tiếp tục xây dựng. Khi gia đình ông bà đi làm thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ (sổ đỏ sang sổ hồng) lại tiếp tục yêu cầu bà N trả lại đúng chỉ giới đất đã ghi nhận trong GCNQSDĐ nhưng bà N không chấp hành. Tại Biên bản hoà giải tranh chấp đất ngày 18/3/2016 cũng khẳng định hàng rào của bà N có lấn sang phần lối đi gia đình ông bà đang sử dụng. Tuy nhiên, bà N vẫn cho rằng đó là đất của bà nên việc bà xây hàng rào là thực hiện đúng quyền sử dụng đất của bà.

Khoảng năm 2022, không nhớ rõ ngày, tháng, hai người con trai của bà N là anh T và anh T1 có sang nhà ông bà để thương lượng thỏa thuận rằng sẽ trả lại hiện trạng đất như ban đầu theo GCNQSDĐ cho gia đình ông bà và đề nghị ông bà rút toàn bộ đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó bà N không đồng ý và hai bên không thỏa thuận được. Vì vậy, phía nguyên đơn - ông T, bà B khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị N tháo dỡ hàng rào đã xây dựng trên lối đi vào nhà ông bà, trả lại phần đất bị lấn chiếm cho gia đình ông bà.

Bị đơn - Đinh Thị N trình bày: Năm 1978, gia đình bà N có nhu cầu làm nhà ở tại khu vực đất mà gia đình bà hiện đang sử dụng. Do khu đất có hố bom ở giữa và bậc thang gồ ghề nên bà đã xin phép và được UBND xã L (nay là phường N) và Nhà máy điện thành phố đồng ý cho san ủi mặt bằng đất để tiện sinh sống và canh tác trên đó. Tứ cận thửa đất gia đình bà khai phá, sử dụng gồm: phía Bắc tiếp giáp đường Nguyễn Đăng Tuấn; phía Đông giáp đường giao thông Ngõ 37 đường Nguyễn Đăng Tuấn; phía Tây giáp hàng rào Nhà máy điện; phía Nam giáp giếng nước của cán bộ công nhân viên Nhà máy điện.

Khoảng năm 1985, ông T xin gia đình bà một mảnh đất nhỏ để làm nhà ở góc phía Tây khu đất nhà bà. Hai bên thỏa thuận bằng miệng là gia đình ông T không được làm công trình phụ phía trước mặt nhà bà, không đi chung đường cùng nhà bà. Dựng nhà xong thì gia đình ông T không đi đường ngoài bờ ruộng mà lại đi băng ngang qua ruộng nhà bà. Từ đó, đất ruộng nhà bà bị chia thành hai mảnh. Năm 1986 gia đình bà làm hàng rào để vườn tược yên ổn, nhưng thực chất là con đường đi vào nhà ông T cả ở phía trong và phía ngoài đều thuộc đất của gia đình bà và cũng chỉ giới hạn trong khoảng từ 1m đến 1,5m chứ không rộng như hiện tại và như yêu cầu của gia đình ông T. Theo bà thì hàng rào của gia đình bà chỉ xây 1 lần không sửa chữa nhiều lần như lời khai của phía nguyên đơn. Nay ông T khởi kiện cho rằng bà lấn chiếm một phần đường vào nhà ông T thì bà không đồng ý.

Ngày 06/11/2023, bà N trình bày bổ sung: Từ năm 1979, vợ chồng ông bà là Trần Việt D và Đinh Thị N đã được Nhà máy điện Đồng Hới - Chi nhánh điện Quảng

Bình và UBND xã L (nay là Phường N) nhất trí cấp cho một thửa đất để làm nhà ở (có đơn xin cấp đất làm nhà). Trên bản đồ 299 thể hiện thửa số 339, có diện tích 2.312m². Do miếng đất gồ ghề lồi lõm ở giữa có một hố bom sâu nên đến năm 1984 vợ chồng bà đã xin UBND xã L san lấp hố bom. Sau khi được sự đồng ý của UBND xã và Nhà máy điện, bà N đã san lấp mặt bằng, làm nhà để ở. Năm 1985, khi ông T xin gia đình bà một mảnh đất để làm nhà và chuyển về sinh sống thì sử dụng con đường (là ranh giới các thửa ruộng rộng khoảng 1m) ở trước đám mạ số 408 (theo tờ bản đồ 299) đi ra đường chính như nhiều hộ dân khác. Nhưng sau khi làm nhà, gia đình ông T không đi đường trước đám mạ số 408 mà đi băng qua đất nhà bà. Con đường trước đám mạ số 408 (nay không còn là đường đi mà chỉ là ranh giới giữa các thửa) ông T bà B đã rào lại nên các hộ dân canh tác trên thửa 408 không còn lối đi nên cũng đi qua đất nhà bà nên tạo thành lối mòn khoảng hơn 1m (nay được coi nói thêm nên rộng khoảng 2,5m dài khoảng 15m, là đoạn đường mà hai gia đình đang tranh chấp). Từ sau năm 1996, thửa đất số 339, có diện tích 2.312m² (theo bản đồ 299) của gia đình bà được cấp GCNQSDĐ lần đầu chia tách thành 4 thửa, gồm:

- Thửa số 66, tờ bản đồ địa chính số 77 có diện tích 1.208,2m² được cấp GCNQSDĐ ngày 28/9/2001 mang tên Trần Việt D, Đinh Thị Ng (thửa này đã được xây hàng rào bằng gạch từ khoảng 1996 để bao quanh khuôn viên)

- Thửa số 75, tờ bản đồ địa chính số 77, có diện tích 112,4m² mang tên Trần Việt D được cấp GCNQSDĐ ngày 09/11/1999 .

- Thửa thứ 3 là thửa đất gia đình bà cho ông T, bà B và ông bà hiện đang sử dụng (thửa số 74, tờ bản đồ 77, có diện tích khoảng 100 - 150m² nay được coi nói rộng 939,6m²) cấp ngày 30/8/2005.

- Thửa số 59, tờ bản đồ địa chính số 77, có diện tích khoảng 668,4m² mang tên ông Thân, bà Hương sau đó chuyển sang ông Thạnh và nay đã chia thành 4 thửa: Thửa số 1: 135m²; thửa số 2: 299m²; thửa số 3: 117,5m²; thửa số 4: 116,8m².

Đến năm 2011 và 2012, gia đình bà thực hiện tách thửa số 66, tờ bản đồ số 77, có diện tích 1.208,2 m² thành 4 thửa: Thửa số 225, có diện tích 167,2 m² cấp ngày 21/3/2012 mang tên Trần Thế T và Nguyễn Thị Thu H; thửa số 224, có diện tích 184,5 m² cấp ngày 16/2/2012 mang tên Đoàn Thanh P và Trần Thị Thanh N; thửa số 226, có diện tích 92,8 m² cấp ngày 18/11/2011 mang tên Trần Việt D và Đinh Thị Ng (đã được đổi tên Đinh Thị N); thửa số 223, diện tích 738,7 m² cấp ngày 18/11/2011, mang tên Trần Việt D, Đinh Thị Ng (đã được thay đổi thành Đinh Thị N).

Vừa qua, bà được biết vào năm 2005, ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị B được UBND thành phố Đ cấp GCNQSDĐ đổi thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 77, diện tích là 939,6m² theo GCNQSDĐ số AC 930165 ngày 30/8/2005. GCNQSDĐ cấp cho ông T, bà B nói trên đã bao trùm lên phần đất của gia đình bà làm đường đi lại để canh tác trên thửa số 75, tờ bản đồ 77. Phần diện tích con đường đó là đất của gia đình bà và bà không cho, không bán cho ông T bà B vì con đường đó là lối đi duy nhất của thửa số 75 ra đường giao thông. Việc cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà B bao trùm lên đất làm lối đi của gia đình bà là không đúng nguồn gốc đất, không đúng hiện trạng sử dụng đất và ranh giới thửa đất trên thực tế ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy GCNQSDĐ số AC 930165 ngày cấp 30/8/2005 đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 77, diện tích 939,6m² cho ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị B. Buộc ông T, bà B trả lại diện

tích phần con đường khoảng 44,1m² (rộng 2,94m, dài khoảng 15m) cho gia đình bà. Hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất số 75, tờ bản đồ địa chính số 77, diện tích: 112, 4m² tại Tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình mang tên Trần Việt D để cấp lại theo hướng bao gồm cả diện tích con đường khoảng 44,1m² (rộng 2,94m, dài khoảng 15m). Tổng diện tích thửa đất số 75 sẽ đạt khoảng 156,5 m².

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 28/11/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đ đã quyết định: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 235; Điều 266; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 175, 176, 179, Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 12, 166, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T bà Đặng Thị B về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ toàn bộ phần kiến trúc xây dựng trên đất bị lấn chiếm*” đối với bà Đinh Thị N (Đinh Thị Ng).

2. Buộc bà Đinh Thị N (Đinh Thị Ng) phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T bà Đặng Thị B diện tích đất 12,8m² thuộc thửa đất số 74 tờ bản đồ số 77 tại Tổ dân phố 12 phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào sơ đồ đo vẽ hiện trạng các thửa đất số 66 và 74 tờ bản đồ địa chính số 77 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ ngày 01/8/2023 (Sơ đồ này là một phần không thể tách rời của bản án).

3. Buộc bà Đinh Thị N (Đinh Thị Ng) phải tháo dỡ toàn bộ hàng rào xây trên thửa đất số 74 với diện tích là 12,8m², tương ứng với các điểm: 4-5, 5-6, 6-7, 7-8, 8-9, 9-10, 10-11, 4-11 (tương ứng chiều dài 0,51m, 2,79m; 3,21m, 6,49m; 10,50m; 1,04m; 0,87m; 25,20m) phía Bắc giáp đất bà N (Nguyệt); phía Nam giáp đất ông T (phần có lối đi vào nhà ông T).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/12/2023, bị đơn - bà Đinh Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Đ để Tòa án nhân dân thành phố Đ chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm theo thẩm quyền để Hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 77 mang tên ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm sau khi tranh tụng:

Phía nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T và đại diện theo uỷ quyền của bà Đặng Thị B là anh Nguyễn Văn Tr có ý kiến giữ nguyên nội dung như trong đơn khởi kiện và các nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết.

Phía bị đơn - bà Đinh Thị N và Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Đ thụ lý sau đó chuyển Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết theo thẩm quyền để huỷ GCNQSDĐ số 74, tờ bản đồ số 77 của ông T, bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, thành phần người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

Đơn kháng cáo của bà Đinh Thị N là hợp lệ, trong hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn - bà Đinh Thị N đề nghị hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Đ để Tòa án nhân dân thành phố Đ chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm theo thẩm quyền để hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ địa chính số 77 mang tên ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị B, vì bị đơn cho rằng, quá trình cấp GCNQSDĐ đã cấp phần đất của gia đình bà N sử dụng để làm lối đi vào canh tác tại thửa đất số 75 vào diện tích đất của thửa đất số 74 của ông T, bà B, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện thửa đất số 74, tờ bản đồ số 77, tại phường N của ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị B có nguồn gốc được UBND xã L (nay là phường N) cấp đất xây dựng nhà ở năm 1991. Căn cứ hồ sơ cấp GCNQSDĐ của thửa đất nói trên do gia đình ông T, bà B kê khai, đã được UBND phường N xác nhận, ngày 30/8/2005, UBND thành phố Đ đã cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà B: Sổ vào sổ H 08186/1323 QĐ-UB/2003 có diện tích 939,6 m². Tại Biên bản xác định ranh giới (theo hiện trạng) lập ngày 10/8/1996 đối với thửa đất của ông Nguyễn Văn T có chữ ký công nhận của ông Trần Viết D tại mục các chủ sử dụng đất tiếp giáp. Lối đi vào nhà ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị B có ranh giới thửa đất được xác định rõ theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ đã cấp. Tại Công văn số: 1259/UBND ngày 13/9/2023 của UBND phường N, thành phố Đ đã trả lời phần diện tích đất của lối đi của gia đình ông T, bà B đang sử dụng để đi lại là thuộc diện tích của thửa đất số 74 có ký hiệu là ODT không phải là diện tích đường giao thông. Như vậy, UBND thành phố Đ đã cấp GCNQSDĐ cho ông T, bà B đối với thửa đất số 74, tờ bản đồ số 77, phường N, diện tích 939,6 m² là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, hộ ông (bà) Trần Viết D - Đinh Thị N sau khi được cấp GCNQSDĐ lần đầu đã tiến hành tách thửa đất ra nhiều thửa và được cấp đổi GCNQSDĐ; quá trình đó ông bà vẫn biết gia đình ông T, bà B sử dụng hoàn toàn lối đi và năm 2005 thì ông T, bà B được cấp GCNQSDĐ bao gồm cả lối đi nhưng ông bà không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn - bà Đinh Thị N không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh lối đi đó là đất của gia đình bà N ngoài lời trình bày của một số nhân chứng nhưng cũng không có chứng cứ nào khác kèm theo. Quá trình tách thửa đất số

66 ra thành nhiều thửa, gia đình bà Đinh Thị N cũng biết lối đi vào nhà ông T, bà B không nằm trong các thửa đất của mình, tức là quyền và lợi ích bị xâm phạm nhưng cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, lối đi đang tranh chấp một phần được cấp GCNQSDĐ hợp pháp và thuộc quyền sử dụng của ông T, bà B. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định lối đi vào nhà của ông T, bà B là một phần của thửa đất số 74, tờ bản đồ số 77, đồng thời, buộc bà N phải tháo dỡ các vật kiến trúc xây dựng lấn lên lối đi của ông T, bà B trả lại nguyên trạng lối đi theo sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm là có căn cứ. Do vậy, việc huỷ Bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại đồng thời chuyển cho Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết huỷ GCNQSDĐ đối với thửa đất số 74 của ông T, bà B theo kháng cáo của bà Đinh Thị N là không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn - bà Đinh Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên, bà Đinh Thị N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị N (tên gọi khác: Đinh Thị Ng), giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Áp dụng khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 166, 203 Luật Đất đai; các Điều 166, 175, 176, 179 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Buộc bà Đinh Thị N (tên gọi khác: Đinh Thị Ng) phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T bà Đặng Thị B diện tích đất 12,8m² thuộc thửa đất số 74 tờ bản đồ số 77 tại Tổ dân phố 12, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có vị trí: phía Bắc giáp đất bà Đinh Thị N (tên gọi khác: Đinh Thị Ng), phía Nam giáp đất ông T (lối đi vào nhà ông T), theo Sơ đồ đo vẽ hiện trạng các thửa đất số 66 và 74 tờ bản đồ địa chính số 77 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ ngày 01/8/2023 (Sơ đồ này là một phần không thể tách rời của bản án).

Buộc bà Đinh Thị N (tên gọi khác: Đinh Thị Ng) phải tháo dỡ toàn bộ phần hàng rào xây dựng trên diện tích đất 12,8m² của thửa đất số 74, tương ứng với các điểm: 4-5, 5-6, 6-7, 7-8, 8-9, 9-10, 10-11, 4-11 (chiều dài các điểm lần lượt là 0,51m; 2,79m; 3,21m; 6,49m; 10,50m; 1,04m; 0,87m; 25,20m) để trả lại nguyên trạng đất cho ông T, bà B.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Bà Đinh Thị N (tên gọi khác: Đinh Thị Ng).

4. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 28/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 31/7/2024.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- TAND thành phố Đ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**